

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15/6/2021

“Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững.

Ông Phan Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 247/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh P có mặt, chị T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Phạm Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T cưới nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T huyện Tháp Mười. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay lời qua tiếng lại làm cho gia

đình lúc nào cũng căng thẳng do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay anh P yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Quốc V1 - sinh năm 2013 và Phạm Khải V2 – sinh năm 2015. Hiện 02 con chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh P đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở kể từ tháng 7/2021 đến khi các con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Phạm Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và xét xử; Bên cạnh đó, cũng không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án xem xét.*

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp gồm:*

- + Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- + Giấy khai sinh 02 con chung (bản sao);
- + Văn bản trình bày ý kiến của con chung Phạm Quốc Vinh (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn M huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T.

[4] Về nội dung:

[4.1] Quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Văn P và chị Phạm Thị Cẩm T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T huyện Tháp Mười. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh P trình bày sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn hay có lời qua tiếng lại do bất đồng quan điểm làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Tình cảm vợ chồng đã phai nhạt nên nay anh P yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T.

Về phía bị đơn chị Phạm Thị Cẩm T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng chị đều vắng mặt không có lý do và cũng không có nộp văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn cố tình vắng mặt, điều này thể hiện chị không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, xét yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn P đối với chị Phạm Thị Cẩm T là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.2] Quan hệ nuôi con chung:

Anh P trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Quốc V1 - sinh năm 2013 và Phạm Khải V2 – sinh năm 2015. Hiện 02 con chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, anh P đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, trong suốt thời gian qua thì 02 con chung sống chung với chị T đã ổn định về tâm sinh lý. Bên cạnh đó, cháu Phạm Quốc V1 cũng có văn bản trình bày nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo môi trường thuận lợi cho sự phát triển tốt nhất của cháu V1 và cháu V2, đảm bảo tâm lý của 02 cháu được ổn định khi cha mẹ ly hôn, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận để 02 cháu được tiếp tục sống chung với chị T.

Anh P và chị T có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh P được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó”.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh P, mức cấp dưỡng mỗi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở/tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 7/2021 đến khi hai con chung trưởng thành.

[4.3] Quan hệ chia tài sản: Anh Phạm Văn P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn P.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn P được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm T.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị Phạm Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phạm Quốc V1 - sinh năm 2013 và Phạm Khải V2 – sinh năm 2015, hiện đang sống chung với chị T.

Anh P và chị T có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh P được quyền thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh P, mức cấp dưỡng mỗi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở/tháng, cấp dưỡng kể từ tháng 7/2021 đến khi hai con chung trưởng thành.

Về quan hệ chia tài sản: Anh Phạm Văn P xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phạm Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011631 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Anh P còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Phạm Văn P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; chị Phạm Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (ML).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tuấn